

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2022
V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Chúc H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp 3, xã KT, huyện U, tỉnh C (có mặt).

Bị đơn: Ông Lương Triệu V, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp 11, xã KT, huyện U, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/3/2021 và tại phiên tòa bà Huỳnh Chúc H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông V tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Tiến, huyện U Minh vào năm 2016. Trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do ông V thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập, xô đẩy, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm bà, có được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không kết quả, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, bà H thấy cuộc sống không hạnh phúc nên đã ly thân và yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lương Ngọc D, sinh ngày 17/01/2011, hiện tại do bà H nuôi dưỡng, bà H thống nhất với nguyện vọng của cháu D và đồng ý nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu D.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

- Ông Lương Triệu V được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà H và vắng mặt.

- *Tại phiên tòa cháu Lương Ngọc D trình bày:* Cháu D hiện tại sống chung với mẹ là bà H và nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Chúc H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung đối với ông Lương Triệu V, địa chỉ cư trú ấp 11, xã KT, huyện U, tỉnh C, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Huỳnh Chúc H có đơn yêu cầu không mở phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải; ông Lương Triệu V được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Chúc H và ông Lương Triệu V tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông V là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà H và ông V đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân, bà H yêu cầu được ly hôn với ông V. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập nhiều lần nhưng ông V vắng mặt, ông V cũng không có ý kiến về việc bà H yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục

đích hôn nhân không đạt được nên cho bà H và ông V ly hôn.

[3] Về con chung: Nguyên vọng cháu Lương Ngọc D được bà H nuôi dưỡng nên ghi nhận nguyên vọng của cháu. Hiện tại cháu D do bà H nuôi dưỡng, bà H đồng ý theo nguyên vọng của cháu D. Mặt khác ông V cũng không có ý kiến gì đến yêu cầu của bà H về việc được nuôi dưỡng cháu D. Do đó, tiếp tục giao cháu D cho bà H nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu D không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Chúc H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu D nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Chúc H phải chịu 300.000 đồng, bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006205 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lương Triệu V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 58 ; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Chúc H với ông Lương Triệu V.

- Về con chung: Giao cháu Lương Ngọc D, sinh ngày 17/01/2011 cho bà Huỳnh Chúc H nuôi dưỡng, cháu D đang do bà H nuôi dưỡng, bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lương Triệu V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu D không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí:

+ Bà Huỳnh Chúc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006205 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu.

Ông Lương Triệu V không phải chịu án phí

Bà Huỳnh Chúc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lương Triệu V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi Hình án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- UBND xã Khánh Tiến, huyện U Minh. Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyên

